TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-PT
Ngày: 13-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Trâm Anh**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Văn Lịnh**

Ông **Trương Ngọc Hồng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Quan Thanh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông **Danh Sót** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 151/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn D và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Phạm Văn D, sinh ngày 22 tháng 8 năm 1985 tại A, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: ngư phủ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P (đã chết) và bà Võ Thị R; có vợ và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2024, trả tự do ngày 03/02/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. **Võ Minh H**, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2004 tại G, Kiên Giang; Nơi ĐKTT: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Nơi ở hiện nay: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Minh H1 và bà Nguyễn Thị X (đã chết); chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2024, trả tự do ngày 03/02/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi

nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; vắng mặt tại phiên tòa.

3. **Trương Triệu V**, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1997 tại A, Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Dương Thị B; vợ Trần Thị Chúc L; con có 01 người, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/01/2024, trả tự do ngày 03/02/2024, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Phạm Văn D:

1. Luật sư Ngô Bằng Đ, thuộc Công ty L2 và cộng sự, Đoàn Luật sư thành phố Đ.

2. Luật sư Đỗ Đăng T1, thuộc Văn phòng L3, đoàn luật sư thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 28/01/2024 ghe của anh Đặng Văn H2, sinh 1976, tại ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang cùng ghe của các ngư dân khác đang khai thác thuỷ sản là cào lụa tại vùng biển gần vàm Xẻo Đôi thuộc xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì bị nhóm 04 người gồm: Phạm Văn D, Võ Minh H, Trương Triệu V và Phạm Văn T2 đi trên chiếc vỏ Composite, nhãn hiệu Đức Tài dài 9,2m chạy máy xe hiệu Kubota 4T87 đến ngăn cản xua đuổi ghe cào của anh H2 cùng ghe của các ngư dân khác trên biển không cho khai thác tại vùng biển này. Khi phát hiện có người chạy vỏ máy đến thì ghe của các ngư dân bỏ chạy chỉ còn ghe cào lụa của anh H2 (trên ghe có 06 người gồm: Đặng Văn H2, Đặng Hoàng P1, Phạm Văn K, Lê Vũ L1, Huỳnh Quốc T3 và Phạm Văn N) không kịp chạy do kéo cào không kịp. Thấy vậy các bị cáo đi trên vỏ Composite của ông D cầm dao tự chế, vỏ chai bia chạy đến chửi và yêu cầu anh H2 phải đưa miệng cào để làm tin vì cho rằng ghe cào anh H2 đã cào trúng lú, làm hư lú dây của Phạm Văn D. Do thấy nhóm D cầm hung khí và hung hăng không dám chống cự, sợ bị đánh mà giao miệng cào. H liền nhảy qua ghe cào bợ miệng cào cho D, V và T2 kéo qua vỏ rồi đề máy chạy đi. Anh H2 chạy về đến Cơ quan Công an trình báo vụ việc.

Qua điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện A có kết luận như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 28/01/2024, trong lúc Phạm Văn D đang ngồi uống rượu cùng với Trương Triệu V, Võ Minh H và Phạm Văn T2 tại nhà của D, ở ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì Phạm Văn N1 là em rễ bà con với D nói cho D biết có ghe cào lụa vào cào trúng lú dây của D đang đặt tại vùng biển gần Vàm Xẻo Đ thuộc xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang để bắt thuỷ sản. Lúc này, Phạm Văn D nghỉ uống rượu cùng với V, H và T2 chạy vỏ máy ra xem. Khi đi H mượn 01 cây dao tự chế của V mang theo và kêu T2 mang theo 02 kết vỏ chai bia hiệu KGB để phòng đánh nhau có mà sử dụng. Sau đó, D chạy vỏ máy chở H ngồi ở mũi vỏ, T2 và V ngồi ở khoan vỏ đến khu vực đặt lú thì nhìn thấy có 04 chiếc ghe đang cào

lụa. Khi nhìn thấy D chạy vỏ, máy lại thì có 03 chiếc ghe rút cào lên bỏ chạy, chỉ còn lại 01 chiếc ghe cào lụa của anh Đặng Văn H2 đang cào. Lúc này trên ghe anh H2 có 06 người gồm: Đặng Văn H2, Đặng Hoàng P1, Phạm Văn K, Lê Vũ L1, Huỳnh Quốc T3 và Phạm Văn N. Phạm Văn D chạy vỏ C lại cặp với ghe cào của anh H2 hỏi "Ai cho mấy ông cào ở đây", có người bên ghe của anh H2 trả lời "Anh T4 cho cào". Nghe vậy, D không nói gì mà chạy vỏ hướng vào đất liền được một đoạn thì tắt máy, thả trôi tự nhiên rồi lấy điện thoại gọi cho một người tên Trần Văn T4, khi T4 bắt máy, D mở loa ngoài nói chuyện "Mày có cho ghe cào đi vô vùng biển này không", T4 trả lời "Hai ngày nay không có ghe vô cào, tụi nó cào lụi đó". Nghe nói vậy, D tắt điện thoại rồi nổ máy chạy lại ghe của anh H2 một lần nữa, khi đến ghe của anh H2, H lấy cây dao tự chế cắt tay áo thun rồi lấy tay áo cột cây dao vào cổ tay, tay còn lại thì cầm vỏ chai bia thủ sẵn, T2 cũng cầm mỗi tay một chai bia thủ sẵn phòng khi đánh nhau. Sau đó, D chạy vỏ cặp lại ghe của anh H2 và nói "Thằng T4 không cho mấy ông vô cào, bây giờ mấy ông phải đưa miệng cào cho tôi làm tin". Thấy bên anh H2 không có phản ứng gì nên H liền sang ghe anh H2 bợ 01 cái cào lụa đưa xuống thì D, V, T2 cùng kéo qua vỏ máy của D chạy về. Khi thấy D làm vậy chuẩn bị chạy đi anh H2 nói "Mấy ông làm như vậy là mấy ông sai rồi" nhưng các bị cáo không trả lời mà chạy vỏ về nhà đậu. Sau khi bị lấy cào anh H2 đã gọi điện thoại kể lại sự việc cho Đặng Văn T5 nghe. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Đặng Văn T5 rủ theo Đặng Văn D1 và Nguyễn Trường A đến tìm D yêu cầu trả lại miệng cào cho anh H2 và có nói với D biết việc lấy miệng cào của anh H2 là vi phạm pháp luật nếu anh H2 thưa là sẽ ở tù nhưng D không trả mà nói để mai tính. Nghe vậy, anh T5 không nói gì nữa mà đi về kêu anh H2 đi báo Công an xã Đ. Sau đó, D sợ bị anh H2 tố giác nên gọi điện điện cho Công an xã Đ trình bày lại sự việc thì Công an xã Đ kêu D mang miệng cào đến giao nộp. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Phạm Văn D, Võ Minh H và Trương Triệu V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng số 17 ngày 15/5/2024 kết luận: 01 cây cào bằng kim loại (thường được dùng để cào sò, lụa), kích thước (2,8 x 0,46)m, mua vào ngày 27/01/2024 có giá 4.500.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 cây cào bằng kim loại (thường được dùng để cào, sò, lụa), kích thước (2,8x0,46)m, đã qua sử dụng. Hiện đã trả lại cho bị hại anh Đặng Văn H2.

- 01 cây dao tự chế bằng kim loại, phần cán tròn chiều dài 19cm, phần lưỡi dao dài 42,5cm, bản dao rộng 04 cm, mũi dao nhọn.

- 02 kết bia, hiệu KGB, màu xanh, bên trong có tổng cộng 43 vỏ chai bia.

- 01 vỏ Composite, màu trắng, hiệu Đức Tài, dài 9,2m, đã qua sử dụng.

- 01 máy xe hiệu Kubota 4T87 đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Đặng Văn H2 đã nhận lại tài sản và các bị cáo đã thoả thuận khắc phục xong. Phía bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn D, Võ Minh H và Trương Triệu V phạm

tội Cưỡng đoạt tài sản.

1.1- Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D 09 (chín) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 03/02/2024.

1.2- Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Minh H 08 (tám) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 03/02/2024.

1.3- Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Triệu V 06 (sáu) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 03/02/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/9/2024, bị cáo Phạm Văn D, Võ Minh H và Trương Triệu V có đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo D, bị cáo V giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt hoặc cho hưởng án treo.

Những người bào chữa cho bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo vì bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định pháp luật, cụ thể bị cáo bị xử phạt hình phạt dưới 03 năm tù, có hơn hai tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, ngoài ra gia đình bị cáo có công với cách mạng.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D, Võ Minh H và Trương Triệu V đã đúng quy định về người có quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Việc vắng mặt bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[3] Về Quyết định của Bản án sơ thẩm: Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/01/2024 Phạm Văn D, Võ Minh H, Trương Triệu V và Phạm Văn T2 cầm theo dao tự chế, 02 két vỏ chai bia hiệu KGB đi trên chiếc võ Composite, nhãn hiệu Đức Tài, dài 9,2m đến xua đuổi các ghe cào của anh Đặng Văn H2 cùng các ngư dân khác không cho cào sò lụa tại vùng biển gần Vàm Xẻo Đ thuộc xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, do nghi ngờ anh H2 cào trúng lú dây của D đang đặt tại vùng biển X, D đã yêu cầu anh H2 đưa miệng cào cho mình thu giữ, tuy số lượng người trên ghe của anh H2 cũng tương quan lực lượng người trên võ máy của D nhưng do thấy các bị cáo có cầm theo hung khí và lo sợ xảy ra xô xát nên anh H2 đã để H qua ghe anh H2 lấy miệng cào, sau đó D, T2 và V phụ kéo miệng cào về ghe của mình rồi bỏ đi, giá trị miệng cào của anh H2 là 4.500.000 đồng. Sau khi nghe anh H2 kể lại sự việc, anh Đặng Văn T5 có đến nhà D để yêu cầu D trả lại miệng cào cho anh H2 nhưng D không trả, vì lo sợ bị anh H2 tố giác, D đã điện thoại báo công an xã Đ thì Công an xã đã yêu cầu Don mang miệng cào đến giao nộp. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản". Do đó cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là có căn cứ và đúng qui định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn D, Võ Minh H và Trương Triệu V thấy rằng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Bộ luật Hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo D đã thay mặt các bị cáo khác tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, sau khi phạm tội các bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú, bị cáo V, D có nhân thân là người có công với cách mạng, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên và quyết định mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo D; 08 tháng tù đối với bị cáo H và 06 tháng tù đối với bị cáo V là phù hợp. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở xem xét.

Người bào chữa của bị cáo D cho rằng bị cáo đã tự thú, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên mới thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ r, h, m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo D hưởng án treo. Xét thấy hành vi của bị cáo

D đến cơ quan trình báo không phải là hành vi tự thú mà chỉ là hành vi đầu thú, hành vi của bị cáo D và các bị cáo khác không chỉ xâm phạm đến tài sản của anh H2 có giá trị 4.500.000 đồng mà còn làm ảnh hưởng lớn đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đặc biệt là trên vùng biển huyện A, Kiên Giang, hành vi của bị cáo D cũng không thể xem là trường hợp phạm tội do lạc hậu, hơn nữa bị cáo là người chủ mưu, khởi xướng sự việc nên cấp sơ thẩm không cho bị cáo D và các bị cáo khác hưởng án treo mà áp dụng hình phạt tù là phù hợp.

Đối với Phạm Văn T2 là con ruột của bị cáo D, thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, cơ quan điều tra không khởi tố mà chỉ xử lý hành chính là phù hợp.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa phúc thẩm phát sinh tình tiết mới, bà Lê Trà M là vợ bị cáo D có đơn xin xem xét xử lý vật chứng đối với 01 (một) vỏ composite, màu trắng, hiệu Đức Tài, dài 9,2m, đã qua sử dụng và 01 (một) máy xe hiệu Kubota 4T87 đã qua sử dụng. Xét thấy, vỏ composite và máy xe hiệu Kubota 4T8 là tài sản chung của bị cáo D và bà M trong thời kỳ hôn nhân, việc bị cáo D sử dụng tài sản trên để thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của anh H2 không có sự bàn bạc với bà M, bà M cũng không biết việc bị cáo D dùng tài sản này làm phương tiện phạm tội, mặt khác bị cáo D và bà M sinh sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt thủy sản, đây là phương tiện lao động duy nhất, là nguồn sống chính của gia đình bị cáo, do đó Hội đồng xét xử quyết định sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, hoàn trả lại vật chứng trên cho bà M và bị cáo D nhằm đảm bảo quyền sở hữu tài sản của bà M và đảm bảo cuộc sống cho gia đình bị cáo D.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn D, Võ Minh H và Trương Triệu V, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 09 (chín) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 03/02/2024.

- Xử phạt bị cáo Võ Minh H 08 (tám) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 03/02/2024.

- Xử phạt bị cáo Trương Triệu V 06 (sáu) tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2024 đến ngày 03/02/2024.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hoàn trả cho bà Lê Trà M và bị cáo Phạm Văn D 01 (một) vỏ composite, màu trắng, hiệu Đức Tài, dài 9,2m, đã qua sử dụng và 01 (một) máy xe hiệu Kubota 4T87 đã qua sử dụng

3. Về án phí: Áp dụng Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo D, H, V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 91/2024/HS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG;
- Cơ quan điều tra huyện An Minh;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND huyện An Minh;
- THA hình sự huyện An Minh;
- CC THADS huyện An Minh;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Trâm Anh